

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Quy chế công bố thông tin

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GTVT VN-VIETRAVEL

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán;
- Thông tư 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 về hướng dẫn công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán;
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN của Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam quy chế công bố thông tin tại sở giao dịch chứng khoán việt nam và công ty con;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam – Vietravel.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel.

- Ban hành kèm theo Quyết định này là Quy chế công bố thông tin Công ty cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Thành viên Hội đồng quản trị, Ban Điều hành, Văn phòng Hội đồng quản trị, Người nội bộ của Công ty, Phòng/Ban, Đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như điều 3;
- Lưu VP HĐQT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



NGUYỄN QUỐC KỲ



VIETNAM VALUE



WORLD TRAVEL AWARDS



TTG TRAVEL AWARDS



Vietravel®



CÔNG TY CỔ PHẦN DU LỊCH VÀ TIẾP THỊ GIAO
THÔNG VẬN TẢI VIỆT NAM - VIETRAVEL

QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG

Lần ban hành
03

Trang
1/16

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN
THỰC HIỆN NGHĨA VỤ CÔNG TY ĐẠI CHÚNG**

Lần ban hành	Ngày ban hành	Soạn/cập nhật	Kiểm tra	Phê duyệt
03	02./10./2023	 Nguyễn Phú Sơn	 Mai Thị Ngân	 Nguyễn Quốc Kỳ

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích	3
Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng	3
Điều 3. Giải thích từ ngữ	3
Điều 4. Các chữ viết tắt	5
Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin.....	5
Điều 6: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin	6

Chương II: NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7: Thông tin công bố và trách nhiệm cung cấp thông tin	7
Điều 8: Lưu đồ và diễn giải quy trình công bố thông tin	12
Điều 9. Trách nhiệm công bố thông tin.....	14
Điều 10. Triển khai thực hiện.....	14
PHỤ LỤC	15

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Mục đích

- Tiêu chuẩn hóa việc Công bố thông tin thực hiện nghĩa vụ công ty đại chúng của Công ty theo quy định của pháp Luật
- Thống nhất các biểu mẫu, chứng từ, tài liệu, các thủ tục sử dụng trong quá trình thực hiện.
- Làm cơ sở cho việc quản lý, lưu trữ thông tin công bố. Quy định việc phối hợp quan hệ công tác giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng ban và cá nhân thuộc Công ty trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin.

Điều 2. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quy chế này quy định nội dung công bố thông tin của Công ty trên thị trường chứng khoán VN. Đồng thời, quy định việc phối hợp giữa các đơn vị trực thuộc, các Phòng Ban, cá nhân thuộc Công ty và các đối tượng khác trong việc thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định.

2. Đối tượng áp dụng:

- Người công bố thông tin
- Các đơn vị/ Phòng ban liên quan: Ban TCNS, Ban TCKT, VP. HĐQT...
- Người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ, cổ đông lớn...
- Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin theo quy định pháp luật.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Người nội bộ là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của doanh nghiệp, bao gồm:

Người nội bộ của doanh nghiệp là Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty, thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Hội đồng thành viên, người đại diện theo pháp luật, Tổng giám đốc, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị hoặc Hội đồng thành viên hoặc Chủ tịch công ty bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát (Kiểm soát viên), thành viên Ban kiểm toán nội bộ; thư ký công ty, người phụ trách quản trị công ty, người được ủy quyền công bố thông tin;

2. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

- Doanh nghiệp và người nội bộ của doanh nghiệp đó;
- Doanh nghiệp và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của doanh nghiệp đó;
- Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;
- Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

- Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

- Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

3. Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

4. Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng;

5. Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của công ty đại chúng; nhà đầu tư hoặc nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ của quỹ đóng;

6. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định:

- Trang thông tin điện tử của tổ chức là đối tượng công bố thông tin (website);

- Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (IDS);

- Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (CIMS), phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;

- Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

7. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

8. Tổ chức đăng ký giao dịch là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

9. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

10. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

- Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

b) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

11. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện

quyền mua;

- Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

c) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 4. Các chữ viết tắt

- UBCKNN	:	Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGDCCK	:	Sở Giao dịch Chứng khoán
- VSDC	:	Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam
- Công ty	:	Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị Giao thông Vận tải Việt Nam - Vietravel
- VP HĐQT	:	Văn phòng Hội đồng Quản trị
- Ban TCKT	:	Ban Tài chính Kế toán
- Ban TCNS	:	Ban Tổ chức Nhân sự
- Tiểu Ban NC – Vp HĐQT	:	Tiểu Ban Nhân chính – Vp HĐQT
- Tiểu Ban TC – CK & CBTT	:	Tiểu Ban tài chính – Chứng khoán và Công bố thông tin
- CBTT	:	Công bố thông tin

Điều 5: Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Đối tượng công bố thông tin phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, đối tượng công bố thông tin phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Các đối tượng quy định tại Điều 2 quy chế này khi công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng

khoản đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của tổ chức phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin của cá nhân do cá nhân tự thực hiện hoặc ủy quyền cho tổ chức hoặc cá nhân khác thực hiện.

5. Các đối tượng công bố thông tin có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Thông tư này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của đối tượng công bố thông tin tối thiểu là 05 năm.

Điều 6: Phương tiện báo cáo, công bố thông tin

1. Trang thông tin điện tử (website) của tổ chức là đối tượng công bố thông tin;
2. Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (IDS);
3. Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán (CIMS), phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
4. Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật ...
5. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
6. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật của các đối tượng không thuộc trường hợp quy định tại khoản 5 Điều này thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.
7. Cách thức báo cáo, công bố thông tin trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán thực hiện theo hướng dẫn của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán.
8. Đối tượng công bố thông tin không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

Chương II
NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 7: Thông tin công bố và trách nhiệm cung cấp thông tin

STT	NỘI DUNG CUNG CẤP THÔNG TIN	THỜI HẠN CBTT	ĐƠN VỊ CUNG CẤP THÔNG TIN
A. THÔNG TIN CÔNG BỐ CỦA CÁ NHÂN/TỔ CHỨC CÓ LIÊN QUAN			
Cá nhân/tổ chức có liên quan, ngoài trách nhiệm phải thực hiện công bố thông tin với cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phải thực hiện công bố thông tin đến Công ty Vietravel những nội dung được nêu tại mục (2) và (3) dưới đây:			
1	Cung cấp thông tin Người nội bộ	03 ngày từ ngày trở thành người nội bộ	Người nội bộ
2	Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ	Tối thiểu 05 ngày trước ngày giao dịch	Người nội bộ và người liên quan
3	<p>- Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn (sở hữu >5% số lượng cổ phiếu đang lưu hành) hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% được áp dụng đối với các trường hợp sau đây:</p> <p>+ Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Phụ lục VII Điều 8 Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.</p> <p>+ Cổ đông lớn của công ty đại chúng, công ty đầu tư chứng khoán đại chúng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho công ty đại chúng, công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Phụ lục VIII Điều 8 Quy chế này.</p> <p>- Thời điểm nêu trên được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán xác định theo điểm k Điều 3 Quy chế này.</p>	Thời hạn trong vòng 05 ngày sau kết thúc giao dịch	Cổ đông lớn
B. TRÁCH NHIỆM CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ TỪ BỘ PHẬN LIÊN QUAN			
I. BỘ PHẬN PHÁP CHẾ (BAN TỔ CHỨC NHÂN SỰ) CUNG CẤP THÔNG TIN			
1	Khi nhận được Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các loại	12 giờ, kể	Bộ phận

	Giấy phép thành lập, hoạt động và các nội dung sửa đổi, bổ sung	từ khi nhận được các văn bản trên	pháp chế - Ban TCNS
2	Khi nhận được quyết định khởi tố Công ty, người nội bộ của Công ty; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Công ty		
3	Khi nhận được bản án, quyết định của Tòa án liên quan đến hoạt động của Công ty;		
4	Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Công ty có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động.		

II. BAN TÀI CHÍNH KẾ TOÁN CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ

1	Về công bố thông tin định kỳ, bất thường 24h và báo cáo khác	24 giờ	Ban TCKT
	<p>* Báo cáo tài chính</p> <p>1/ Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ báo cáo, phụ lục, thuyết minh theo quy định của pháp luật về kế toán doanh nghiệp; - Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Công ty trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính; - Thời hạn công bố: Công ty phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính. <p>2/ Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận.</p> <p>Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên</p> <p>Công ty phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.</p> <p>3/ Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).</p> <p>Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý</p> <p>Công ty phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.</p> <p>4/ Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính tại các điểm 1, 2 và 3 của nêu trên, Công ty phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước; b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại; c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và 		

Công
bố
thông
tin
định
kỳ

	<p>sau kiểm toán hoặc <i>soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.</i></p> <p>5. Công ty phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại điểm 4 nêu trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.</p> <p>6. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Công ty phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại điểm 1 của tiểu mục này.</p>		
<p><u>Công bố thông tin bất thường</u></p>	<p>* Công bố tin tin bất thường:</p> <p>1/ Công ty phải công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tài khoản của công ty tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại nội dung này; - <i>Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;</i> - Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của Công ty; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế; <p>2/ Khi công bố thông tin trong các trường hợp được nêu tại mục 1 nêu trên, Công ty phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).</p> <p>* Công bố thông tin bất thường trong các trường hợp đặc biệt khác</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau khi thay đổi kỳ kế toán, công ty đại chúng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới. <p>* Lưu ý phối hợp cung cấp thông tin liên quan đến các nội dung dưới đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa công ty với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Công ty;</i> - <i>Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của công ty căn cứ vào báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính 06</i> 	<p>24 giờ</p>	<p>Ban TCKT</p>



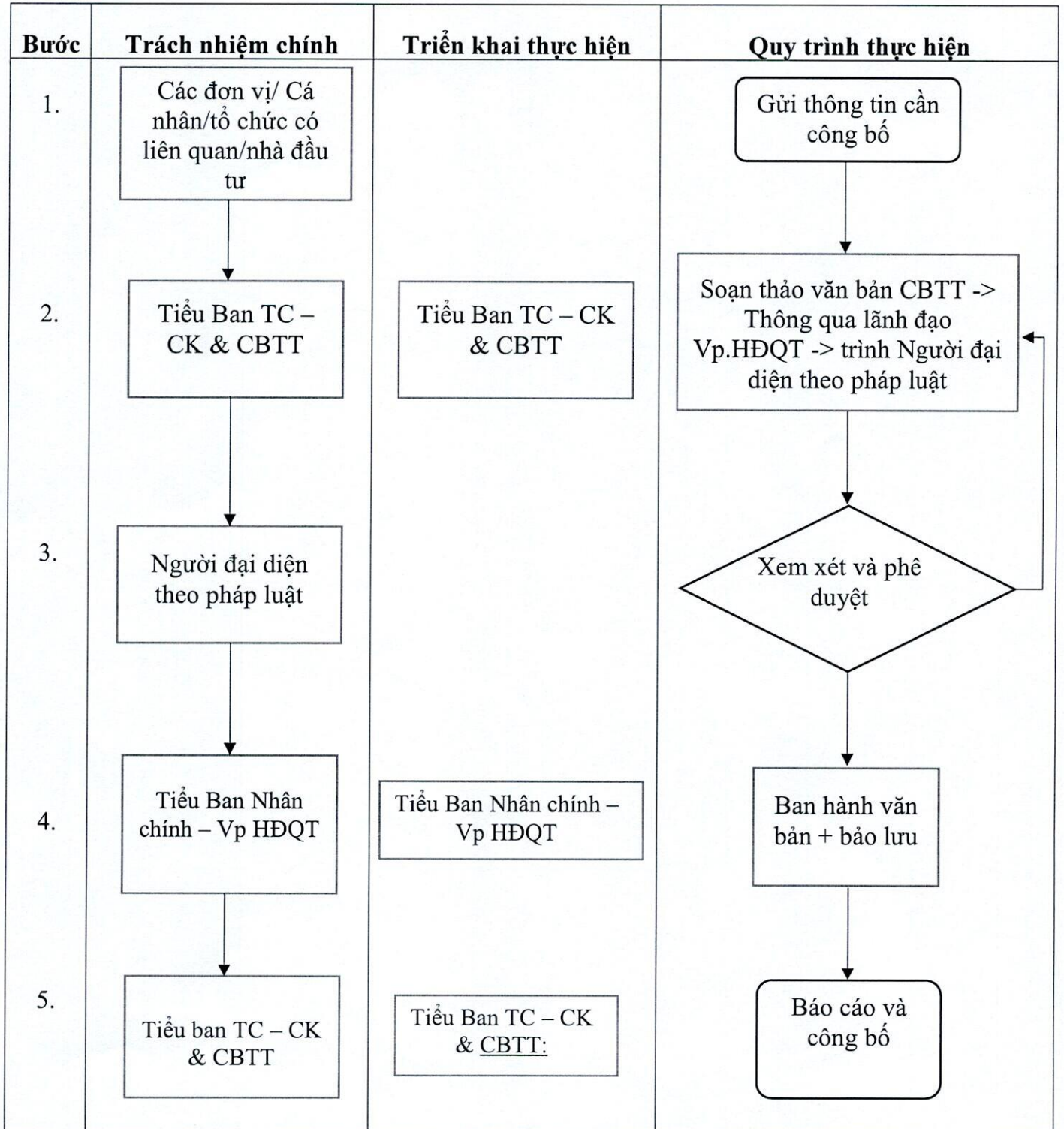
	<p><i>tháng gần nhất được soát xét. Trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ thì căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp công ty đại chúng là công ty mẹ);</i> - <i>Đối với hồ sơ chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng, khi công bố thông tin phải kèm theo báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất được kiểm toán trong 02 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ, trừ trường hợp báo cáo tài chính được kiểm toán đã có thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán gần nhất.</i> 		
2	<p>Công bố thông tin khi chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng</p>		
	<p>Khi phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng, Công ty phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Công bố thông tin định kỳ về <i>báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán</i> bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu; - Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Công ty phải công bố thông tin định kỳ về <i>báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán</i>, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau: <ul style="list-style-type: none"> + Công ty phải thuyết minh chi tiết việc <i>sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận</i> hoặc <i>công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận</i> cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng thành viên thường niên; + Định kỳ 06 tháng, Công ty phải công bố thông tin về <i>tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán</i> trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo; - Công ty phải công bố thông tin về <i>tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu</i> trong <i>thời hạn 30 ngày</i>, kể từ ngày kết thúc <i>06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch</i>; - Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại Mục II Phần B Điều 5 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có); - Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Công ty phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi 	<p>Thời gian theo quy định</p>	<p>Ban TCKT</p>

	tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;		
III. TIÊU BAN NHÂN CHÍNH - VĂN PHÒNG HĐQT CUNG CẤP THÔNG TIN CÔNG BỐ			
1	Các Nghị quyết/quyết định ban hành của Công ty về thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Công ty cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty). Đồng thời, Công ty gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Phụ lục III Điều 8 Quy chế này;	24 giờ	Bộ phận hành chính
2	Các Nghị quyết/Quyết định về việc thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện, Công ty con, Công ty liên kết		
3	- Các Nghị quyết/Quyết định thay đổi mô hình tổ chức quản lý và hoạt động Công ty. - Các Quyết định về việc tổ chức lại doanh nghiệp (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên công ty, con dấu của công ty; thay đổi địa điểm; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty.		
4	Ban hành các văn bản theo yêu cầu cho việc công bố thông tin.		
5	Nghị quyết/Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của công ty tại báo cáo tài chính năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên gần nhất được soát xét (căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất đối với trường hợp Công ty là công ty mẹ);	24 giờ	Bộ phận Hành chính
6	Các Nghị quyết/Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).		
7	Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết		
8	Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ		
9	Các Nghị quyết về giao dịch giữa Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, người quản lý khác hoặc những người có liên quan của thành viên đó với Công ty, Công ty con, Công ty do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với chính thành viên đó theo quy định của pháp luật		
10	Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với người nội bộ hoặc người có liên quan		
11	Ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tham dự họp Đại hội cổ đông thường niên/bất thường		

12	Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên/bất thường (Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	21 ngày trước ngày Đại hội	
13	Tài liệu họp Đại hội cổ đông thường niên/bất thường (Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có)	24 giờ	

Điều 8: Lưu đồ và diễn giải quy trình công bố thông tin

1. Lưu đồ



2. Diễn giải lưu đồ:

Bước 1: Gửi thông tin công bố

Khi phát sinh các thông tin phải công bố theo quy định, các đơn vị trực thuộc hoặc Cá nhân/tổ chức có liên quan/nhà đầu tư phải gửi các tài liệu, thông tin cần công bố đến Tiểu Ban TC – CK & CBTT tổng hợp công bố thông tin trong thời hạn quy định của Quy chế này.

* Thời hạn các đơn vị hoặc cá nhân/tổ chức có liên quan/nhà đầu tư gửi tài liệu và thông tin cần công bố như sau:

- **Đối với thông tin công bố định kỳ:** Chậm nhất 24 giờ, kể từ khi ban hành văn bản/báo cáo hoặc từ khi xảy ra sự kiện.

- **Đối với thông tin công bố bất thường và thông tin cung cấp theo yêu cầu quy định tại Mục II Phần B Điều 7 Quy chế này:** Chậm nhất 12 giờ, kể từ khi ban hành văn bản hoặc từ khi xảy ra sự kiện.

- **Đối với các thông tin cần công bố khác:** Chậm nhất 12 giờ, kể từ khi ban hành văn bản hoặc từ khi xảy ra sự kiện.

* Cách chuyển thông tin để thực hiện công bố thông tin

- Gửi bằng email Công ty tới Tiểu Ban TC – CK & CBTT.

- Gửi bản chính thông tin cần công bố hoặc bản sao y bản chính trực tiếp đến Tiểu Ban TC – CK & CBTT.

Bước 2: Xử lý thông tin

Khi nhận được thông tin do các bộ phận liên quan cung cấp hoặc cá nhân/tổ chức có liên quan/nhà đầu tư, Tiểu Ban TC – CK & CBTT sẽ:

- Kiểm tra, đối chiếu với các quy định và tổng hợp nội dung cần công bố thông tin;

- Soạn thảo văn bản công bố thông tin theo biểu mẫu quy định tại Quy chế này;

- Trình Lãnh đạo VP HĐQT; Lãnh đạo Công ty (nếu cần thiết) thẩm định nội dung cần công bố.

Bước 3: Phê duyệt

Tiểu Ban TC – CK & CBTT trình văn bản đã được thẩm định nội dung cho Người đại diện theo pháp luật xét duyệt và ký để ban hành công văn công bố:

- Trường hợp Người đại diện theo pháp luật duyệt nội dung: ký duyệt

- Trường hợp Người đại diện theo pháp luật không duyệt hoặc ý kiến chỉ đạo khác: trả văn bản về Tiểu Ban TC – CK & CBTT để thực hiện lại hoặc điều chỉnh lại nội dung cho phù hợp.

Bước 4: Ban hành và lưu trữ thông tin

- Sau khi Người đại diện theo pháp luật ký các văn bản để công bố thông tin, Tiểu Ban Nhân chính – VP HĐQT ban hành các văn bản này.

- Tiểu Ban Nhân chính lưu bản cứng, đồng thời lưu bản dữ liệu điện tử.

- Tiểu Ban Nhân chính gửi bản scan cho Tiểu Ban TC – CK & CBTT.

Bước 5: Báo cáo và Công bố thông tin

Sau khi nhận văn bản ban hành từ Tiểu Ban Nhân chính. Tiểu Ban TC – CK & CBTT tiến hành gửi công bố thông tin trên các phương tiện công bố thông tin theo quy định:

- Trang IDS của UBCKNN (*ký chữ ký số trước khi gửi dữ liệu điện tử*)
- Trang CIMS của HNX (*ký chữ ký số trước khi gửi dữ liệu điện tử*)
- Trên website công ty (gửi qua mail cho Ban Tiếp thị truyền thông hoặc Trung tâm ITC trong trường hợp cần được hỗ trợ)

Đồng thời, Tiểu Ban TC-KT & CBTT phải gửi các văn bản được công bố đến các bộ phận có liên quan để thông báo về việc đã công bố thông tin.

Điều 9. Trách nhiệm công bố thông tin

- Tiểu Ban TC – CK & CBTT có trách nhiệm thực hiện việc tổng hợp các thông tin cần công bố từ các đơn vị hoặc cá nhân/tổ chức có liên quan/nhà đầu tư cung cấp theo quy định của Luật chứng khoán đã ban hành.

- Soạn thảo các văn bản được ban hành kèm theo Quy chế này và trình Người đại diện theo pháp luật của Công ty thông qua.

- Thực hiện việc công bố thông tin đúng thời hạn theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện việc công bố các thông tin khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền (nếu có).

- Báo cáo và công bố thông tin lên trang IDS của UBCK, trang CIMS của HNX và website Công ty.

Điều 10. Triển khai thực hiện

1. Quy chế này đã được Chủ tịch HĐQT thông qua. Các nội dung không được đề cập trong Quy chế này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều lệ tổ chức và hoạt động và quy định của pháp luật hiện hành.

2. Trong quá trình thực hiện, Công ty sẽ xem xét và tiến hành sửa đổi, bổ sung các nội dung của Quy chế này cho phù hợp với tình hình thực tế, đáp ứng yêu cầu hoạt động của công ty trong từng giai đoạn.

3. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

PHỤ LỤC

BIỂU MẪU SỬ DỤNG VÀ TÀI LIỆU THAM KHẢO

(Ban hành kèm theo quyết định số/HĐQT-VP ngày.....)

1. Biểu mẫu sử dụng:

STT	Số phụ lục	Tên phụ lục, mẫu biểu
THÔNG TƯ 96/2020/TT-BTC		
1	Phụ lục I	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (dành cho tổ chức)
2	Phụ lục II	Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin (dành cho cá nhân)
3	Phụ lục III	Bản cung cấp thông tin
4	Phụ lục IV	Báo cáo thường niên
5	Phụ lục V	Báo cáo tình hình quản trị công ty
6	Phụ lục VI	Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp
7	Phụ lục VII	Báo cáo về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
8	Phụ lục VIII	Báo cáo về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên chứng chỉ quỹ đóng
9	Phụ lục XIII	Thông báo giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
10	Phụ lục XIV	Thông báo giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan người nội bộ
11	Phụ lục XV	Báo cáo kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của người nội bộ và người có liên quan
12	Phụ lục XVI	Báo cáo kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan
NGHỊ ĐỊNH 155/2020/NĐ-CP		
1	Mẫu số 01	Báo cáo tiến độ sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
2	Mẫu số 02	Báo cáo thay đổi phương án sử dụng vốn/số tiền thu được từ đợt chào bán/phát hành.
3	Mẫu số 05	Giấy đăng ký chào bán thêm cổ phiếu ra công chúng
4	Mẫu số 06	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu ra công chúng của cổ đông công ty đại chúng
5	Mẫu số 07	Giấy đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng
6	Mẫu số 08	Cam kết bảo lãnh phát hành trái phiếu ra công chúng
7	Mẫu số 10	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu riêng lẻ/cổ phiếu ưu đãi kèm chứng quyền riêng lẻ.
8	Mẫu số 12	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu để chào mua công khai
9	Mẫu số 15	Giấy đăng ký phát hành cổ phiếu riêng lẻ để hoán đổi nợ
10	Mẫu số 16	Báo cáo phát hành cổ phiếu để trả cổ tức/phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu

STT	Số phụ lục	Tên phụ lục, mẫu biểu
11	Mẫu số 17	Báo cáo phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn người lao động trong công ty
12	Mẫu số 23	Giấy đăng ký chào mua công khai
13	Mẫu số 24	Công bố thông tin chào mua công khai
14	Mẫu số 28	Giấy đăng ký niêm yết chứng khoán
15	Mẫu số 32	Giấy đề nghị hủy niêm yết chứng khoán
16	Mẫu số 36	Giấy đề nghị đăng ký giao dịch
17	Mẫu số 37	Giấy đề nghị thay đổi đăng ký giao dịch
18	Mẫu số 38	Thông báo về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
19	Mẫu số 39	Thông báo về thay đổi tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa
20	Mẫu số 52	Phiếu yêu cầu đăng ký biện pháp bảo đảm
21	Mẫu số 53	Bảng kê chứng khoán đề nghị đăng ký biện pháp bảo đảm
22	Mẫu số 68	Danh sách cổ đông, thành viên góp vốn
23	Mẫu số 72	Giấy đăng ký tăng, giảm vốn điều lệ
24	Mẫu số 73	Giấy đăng ký chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu
QUYẾT ĐỊNH 21/QĐ-SGDVN		
STT	Số phụ lục	Tên phụ lục, mẫu biểu
1	Phụ lục I	Thông báo thay đổi nhân sự
2	Phụ lục II	Thông báo thay đổi người có liên quan của người nội bộ
3	Phụ lục III	Thông báo thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy phép hoạt động
4	Phụ lục IV	Thông báo (thay đổi) mô hình công ty và loại báo cáo tài chính
5	Phụ lục V	Thông báo thay đổi số lượng cổ phiếu có quyền biểu quyết
6	Phụ lục VI	Công bố thông tin bất thường
7	Phụ lục VII	Thông báo về việc kết thúc nghĩa vụ công bố thông tin đối với công ty đại chúng quy mô lớn



2. Tài liệu tham khảo

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ngày 26/11/2019;
- Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường Chứng khoán;
- Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (về phát hành cổ phiếu)
- Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 (về phát hành trái phiếu)
- Quyết định số 21/QĐ-SGDVN ngày 21/12/2021 về quy chế công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán Việt Nam.
- Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Du lịch và Tiếp thị GTVT Việt Nam-Vietravel;
- Quy chế Công bố thông tin hiện hành của Công ty.